

Số: 157 /QĐ-THMT

Thiên Trường, ngày 09 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

"Về việc công khai quyết toán các khoản thu năm học 2025 - 2026"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ TÂN

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 401/UBND-VHXXH ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Thiên Trường về việc tăng cường công tác quản lý thu, chi tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình về hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQHĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ công văn số 606/SGDĐT-CTHSSV ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình về triển khai ứng dụng liên lạc điện tử kết nối giữa gia đình và nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch số 307/KH-THMT ngày 29/9/2025; kế hoạch số 10/KH-THMT ngày 12/01/2026 của trường TH Mỹ Tân và dự toán thu chi năm học 2025-2026 của trường tiểu học Mỹ Tân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai quyết toán các khoản thu năm học 2025-2026
(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng tổ Văn phòng, Kế toán trưởng, các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT trường;
- Lưu VP.



PHỤ LỤC

"Về việc công khai quyết toán các khoản thu năm học 2025-2026"

(Kèm theo QĐ số 157/QĐ – THMT ngày 09/06/2026 của trường tiểu học Mỹ Tân)

STT	Các khoản thu	Mức thu	Số tiền thu (đ)	Số tiền chi (đ)	Số tiền tồn (đ)	Diễn giải chi
I. Các khoản thu theo quy định						
1	Học phí	Không có				
2	BHYT học sinh	631.800/hs/tháng(thu theo công văn bảo hiểm)	511.863.300	511.863.300	0	Nộp về bảo hiểm xã hội cơ sở Nam Định
II. Các khoản thu theo thỏa thuận có hướng dẫn						
1	Dịch vụ tăng cường, rèn kỹ năng, làm quen, dạy tự chọn	12.000đ/hs/tiết hs (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 0 Kỳ II: 260.400.000	Kỳ I: 0 Kỳ II: 260.400.000	0	1. Chi trả 50% cho công ty Goden từ tháng 01/2026 –tháng 05/2026 2. Nộp 2% tổng doanh thu về cơ quan thuế 3. Số tiền còn lại chi: - 70% chi trực tiếp cho giáo viên dạy thêm, 12% hao mòn cơ sở vật chất, 18% chi cho công tác quản lý
2	Tiền nước uống	10.000đ/tháng/hs hs (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 32.060.000 Kỳ II: 39.990.000	Kỳ I: 32.060.000 Kỳ II: 39.990.000	0	Chi tiền mua nước uống đóng bình cho các lớp kỳ 1 và tháng 1/2026, tháng 2/2026 lắp hệ thống máy lọc nước; công bê bình nước, chi tiền mua khay, giá đỡ cốc, hỗ trợ thanh toán

STT	Các khoản thu	Mức thu	Số tiền thu (đ)	Số tiền chi (đ)	Số tiền tồn (đ)	Diễn giải chi
						tiền nước sạch, nộp thuế GTGT, TNDN
3	Tiền dịch vụ ăn bán trú	22.000đ/bữa/hs (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 503.140.000đ Kỳ II: 612.238.000	Kỳ I: 503.140.000 Kỳ II: 612.238.000	0	Thanh toán xuất ăn cho đơn vị cung cấp
4	Tiền dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	6.000 đồng/trẻ (học sinh)/ngày (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 137.220.000 Kỳ II: 312.606.000đ	Kỳ I: 137.220.000 Kỳ II: 312.606.000đ	0	Chi tiền ăn, coi trưa, phục vụ học sinh bán trú
5	Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú	Mức thu: 250.000 đồng/hs/đôi với học sinh lần đầu ăn bán trú (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	33.750.000/ năm học	33.750.000/ năm học	0	Chi mua bổ sung cơ sở vật chất và các công tác phục vụ bán trú như: bổ sung tủ phòng BT, giường, gối. Mua nước rửa tay, nước sát khuẩn, giấy VS, khăn mặt phục vụ bán trú...)
6	Tiền xe đạp	10.000đ/hs/tháng (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 6.440.000đ Kỳ II: 8.000.000đ	Kỳ I: 6.440.000đ Kỳ II: 8.000.000đ	0	Thanh toán tiền công trông xe, thuế GTGT, Thuế TNDN, mua hóa đơn GTGT, làm vé xe
7	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	18.000đ/hs/tháng (thu chi theo công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở giáo dục đào tạo tỉnh Ninh Bình)	Kỳ I: 57.608.000 Kỳ II: 71.982.000	Kỳ I: 57.608.000 Kỳ II: 71.982.000	0	Thanh toán tiền thuê quét dọn, thu gom xử lý rác và mua sắm dụng cụ phục vụ công tác vệ sinh trường lớp, nộp thuế GTGT, TNDN

STT	Các khoản thu	Mức thu	Số tiền thu (đ)	Số tiền chi (đ)	Số tiền tồn (đ)	Diễn giải chi
8	Dịch vụ App VNEDU NH 2025-2026	70.000đ/HS/năm học	54.040.000	54.040.000	0	Nộp về trung tâm kinh doanh VNPT Nam Định